

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2025

V/v: Ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Khắc Thái.

- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐ-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Đinh Thị Minh H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Bản S, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Anh C có đơn xin xử vắng mặt, chị H vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Anh và chị Đinh Thị Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có thực hiện việc đăng ký tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2022. Sau khi cưới anh chị sinh sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 8 năm 2022 chị H đã về sinh sống tại xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình cùng bố mẹ đẻ. Anh chị ly thân từ đó đến nay. Nay anh

xác định anh và chị [H](#) không còn yêu thương và không thể tiếp tục chung sống với nhau, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị [H](#) để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh xác định anh và chị [H](#) không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị [Đinh Thị Minh H](#): Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo và giấy báo tuy nhiên chị vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi ý kiến phản hồi về cho Tòa án. Theo xác minh thì hiện nay chị [H](#) vẫn cư trú cùng gia đình tại [Bản S, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình](#).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan đã tiến hành giải quyết theo quy định. Do chị [H](#) không đến tham gia các phiên hòa giải vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được, được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt anh [C](#) vẫn giữ quan điểm xin ly hôn với chị [Đinh Thị Minh H](#)

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại [xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình](#) nên Tòa án nhân dân huyện Nho Quan thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát*: Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ*: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm

2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí.

Đề nghị xử:

1. Xử lý hôn giữa anh [Nguyễn Văn C](#) và chị [Đinh Thị Minh H](#).
2. Nguyên đơn anh [Nguyễn Văn C](#) phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh [C](#) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại [xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình](#) nên Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh [C](#) và chị [H](#) là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, thực tế hai bên đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh [C](#) với chị [H](#) là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Anh [C](#) xác định giữa anh và chị [H](#) không có con chung, vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh [Nguyễn Văn C](#) phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho anh [Nguyễn Văn C](#) ly hôn với chị [Đinh Thị Minh H.](#)

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh [Nguyễn Văn C](#) phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh [C](#) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001372 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Nho Quan;
- Chi cục THADS huyện Nho Quan;
- UBND xã Thanh Sơn, h. Thạch Thành, t. Thanh Hóa
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương Quỳnh